

Mức lương/ <i>Salary</i>	C.01	15.930	18.585	21.240	23.895	26.550	29.205	31.860
Hệ số/ <i>Coefficient</i>		3,000	3,500	4,000	4,500	5,000	5,500	6,000
2. Phó Tổng Giám đốc/ Phó Giám đốc/ <i>Deputy General Director/Deputy Director</i>								
Mức lương/ <i>Salary</i>	C.02	13.275	15.930	18.585	21.240	23.895	26.550	29.205
Hệ số/ <i>Coefficient</i>		2,500	3,000	3,500	4,000	4,500	5,000	5,500
3. Kế toán trưởng/ <i>Chief Accountant</i>								
Mức lương/ <i>Salary</i>	C.03	10.620	13.275	15.930	18.585	21.240	23.895	26.550
Hệ số/ <i>Coefficient</i>		2,000	2,500	3,000	3,500	4,000	4,500	5,000
4. Trưởng phòng/ <i>Department Head</i>								
Mức lương/ <i>Salary</i>	D.01	7.965	10.620	13.275	15.930	18.585	21.240	23.895
Hệ số/ <i>Coefficient</i>		1,500	2,000	2,500	3,000	3,500	4,000	4,500
5. Phó phòng/ <i>Deputy Head of Department</i>								
Mức lương/ <i>Salary</i>	D.02	7.965	10.620	13.275	15.930	18.585	21.240	23.895
Hệ số/ <i>Coefficient</i>		1,500	2,000	2,500	3,000	3,500	4,000	4,500

Điều 3. Chấp thuận điều chỉnh Bảng lương Viên Chức Chuyên Môn, Nghiệp Vụ, Thừa Hành, Phục Vụ như sau:

Article 3. Adjust the Salary Table for Professional, Technical, Administrative, and Service Staff as follows:

NHÓM CHỨC DANH, VỊ TRÍ, CÔNG VIỆC JOB TITLE	MÃ SỐ CODE	BẬC LƯƠNG/SALARY GRADE						
		I	II	III	IV	V	VI	VII
1. Chuyên viên/Specialist								
Mức lương/ Salary	D.02.1	7.965	8.496	9.027	9.558	10.089	10.620	11.15
Hệ số/Coefficient		1,500	1,600	1,700	1,800	1,900	2,000	2,100
2. Nhân viên kế toán, Nhân viên Hành chính – Nhân sự, Nhân viên Pháp lý, Nhân viên Kinh doanh, Nhân viên Trợ lý, Nhân viên Marketing/Accounting Staff, Administrative and Human Resources Staff, Legal Staff, Sales Staff, Assistant Staff, Marketing Staff								
Mức lương/ Salary	D.03	7.434	7.965	8.496	9.027	9.558	10.089	10.620
Hệ số/Coefficient		1,400	1,500	1,600	1,700	1,800	1,900	2,000
3. Nhân viên lễ tân, Nhân viên văn phòng/Receptionist, Office Staff								
Mức lương/ Salary	D.04	6.903	7.434	7.965	8.496	9.027	9.558	10.089
Hệ số/Coefficient		1,300	1,400	1,500	1,600	1,700	1,800	1,900
4. Nhân viên tạp vụ, Nhân viên bảo vệ, Nhân viên lái xe/Janitorial Staff, Security Guards, Drivers								
Mức lương/ Salary	D.05	5.310	5.841	6.372	6.903	7.434	7.965	8.496
Hệ số/Coefficient		1,000	1,100	1,200	1,300	1,400	1,500	1,600

Điều 4. Chấp thuận kế hoạch triển khai Hệ thống thang bảng lương như trên.

.5274

 VG TY
PHÂN
OLDI

HỒ C

Article 4. Approve of the implementation plan for the salary scale system as described above.

Điều 5. Giao cho ông Kakazu Shogo – Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Công ty – thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan để bảo đảm việc điều chỉnh và triển khai Hệ thống thang bảng lương này tuân thủ quy định pháp luật.

Article 5. Assign Mr. Kakazu Shogo – General Director, Legal Representative of the Company – to carry out relevant legal procedures to ensure that this adjustment and complies with the law.

Điều 6: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các phòng ban liên quan của Công ty Cổ phần PGT Holdings chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

Article 6. This Resolution takes effect from the date of signing. The members of the Board of Directors, Supervisory Board, Executive Board and related departments of PGT Holdings Joint Stock Company are responsible for the implementation of this Resolution./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK HĐQT.

Recipients:

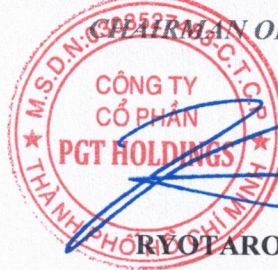
- As above;
- Save the secretary of BOD

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH 

ON BEHALF BOARD OF DIRECTORS

CHAIRMAN OF THE BOARD



RYOTARO OHTAKE

